

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2020/DS-PT

Ngày: 31-12-2020

*V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán tài sản; yêu cầu thực
hiện nghĩa vụ tài sản do người
chết để lại*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Châu Thạch

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2020/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 366/2020/QĐ-PT ngày 01/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2020/QĐ-PT ngày 21/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hợp tác xã Nông nghiệp Tây DL

Trụ sở: đường HV, Tổ 3, thị trấn DL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc H2 – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. *Đồng bị đơn:* Bà Lương Thị H, sinh năm 1958; chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1980; anh Nguyễn Quý T, sinh năm 1983; chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1986; anh Nguyễn Quý G, sinh năm 1991.

Cùng cư trú tại: Xóm K, Thôn K, xã LĐ, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, chị V, chị H1, anh G: Anh Hà Văn Th, sinh năm 1980, địa chỉ: Xóm K, Thôn K, xã LĐ, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng, theo văn bản ủy quyền ngày 30/12/2020 và ngày 28/12/2020.

3. *Người kháng cáo:* Bà Lương Thị H - Bị đơn.

(Ông H2, anh T, anh Th có mặt tại phiên tòa, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Hợp tác xã Nông nghiệp Tây DL, bản tự khai và lời khai của người đại diện ông Nguyễn Ngọc H2 trong quá trình tố tụng có nội dung: Ngày 09/5/2000, chồng của bà Lương Thị H là ông Nguyễn Quý L ký “*Hợp đồng đầu tư ứng trước*” để mua phân bón của Hợp tác xã Nông nghiệp Tây DL (*sau đây viết tắt là HTXNN Tây DL*) theo hình thức chậm trả với lãi suất 1%/tháng, hạn thanh toán chậm nhất vào ngày 30/12/2000, nếu chậm trả phải chịu lãi bằng 150% mức lãi suất thỏa thuận. Bản hợp đồng này được bà Lương Thị H ký với tư cách người thừa kế. Sau đó, HTXNN Tây DL đã 04 lần giao phân bón cho ông L, cụ thể: Ngày 11/05/2000 giao 120 bao phân CP3 trị giá 18.333.000 đồng; ngày 22/5/2000 giao 70 bao phân CP3 trị giá 10.694.250 đồng; ngày 10/8/2000 giao 120 bao phân NPK trị giá 15.082.200 đồng; ngày 21/9/2000 giao 40 bao phân NPK trị giá 5.486.000 đồng. Tổng số phân bón ông L đã mua có trị giá 49.596.120 đồng. Từ đó đến nay, ông L đã trả được một số khoản như sau:

- Ngày 24/8/2001, ông L trả được 6.098.000 đồng nợ gốc và 3.902.000 đồng nợ lãi. Trừ vào nợ gốc 49.596.120 đồng và khoản lãi 1%/tháng kể từ ngày 21/9/2000 đến ngày 24/8/2001 là 5.445.000 đồng. Sau khi trừ đi các khoản trả vào ngày 24/8/2001, ông L còn nợ gốc 43.498.120 đồng và 1.553.732 đồng nợ lãi.

- Ngày 28/12/2006, ông L trả được 4.586.000 đồng nợ gốc và 3.397.000 đồng nợ lãi. Do phát sinh khoản lãi theo thỏa thuận 1%/tháng tính trên 43.498.120 đồng nợ gốc kể từ ngày 25/8/2001 đến ngày 28/12/2006 là

27.838.796 đồng, nên số tiền ông L trả lần này được trừ vào 43.498.120 đồng nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 28/12/2006 là 29.392.528 đồng. Sau khi trừ đi các khoản trả vào ngày 28/12/2006, ông L còn nợ 38.912.120 đồng gốc và 26.013.000 đồng lãi.

- Ngày 19/01/2010, ông L trả được 5.000.000 đồng lãi. Do phát sinh khoản lãi theo thỏa thuận 1%/tháng tính trên 38.912.120 đồng nợ gốc kể từ ngày 29/12/2006 đến ngày 19/01/2010 là 14.008.000 đồng, nên số tiền lãi 5.000.000 đồng ông L trả ngày 19/01/2010 được trừ vào tổng số lãi tính đến ngày 19/01/2010 là 40.021.000 đồng. Vì vậy, ông L còn nợ gốc 38.912.120 đồng và 35.021.000 đồng lãi.

Ngày 12/12/2016, ông L chết không để lại di chúc và chưa chia thừa kế. Ngày 15/12/2018, HTXNN Tây DL khởi kiện yêu cầu bà Lương Thị H và các con của ông L, bà H là chị Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Quý T, chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Quý G cùng có nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tính đến ngày 15/12/2018 là 119.816.120 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Ngọc H2 đại diện HTXNN Tây DL xác định ông L còn nợ gốc 38.912.120 đồng và lãi là 84.828.000 đồng (*Gồm lãi tính đến ngày 19/01/2010 là 35.021.000 đồng, lãi phát sinh theo mức 1%/tháng trên nợ gốc 38.912.120 đồng kể từ ngày 20/01/2010 đến ngày 20/9/2020 là 49.807.000 đồng*). Nay ông Hải đại diện HTXNN Tây DL tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Quý T, chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Quý G và tự nguyện giảm một phần yêu cầu tiền lãi. Yêu cầu bà Lương Thị H trả cho HTXNN Tây DL 38.912.120 đồng nợ gốc và 55.000.000 đồng nợ lãi.

Các đồng bị đơn bà Lương Thị H, chị Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Quý T, chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Quý G đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 28/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Di Linh đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã Nông nghiệp Tây DL về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết

để lại. Buộc bà Lương Thị H phải trả cho Hợp tác xã Nông nghiệp Tây DL số tiền 93.912.120 đồng (*gồm 38.912.120 đồng nợ gốc và 55.000.000 đồng nợ lãi*).

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã Nông nghiệp Tây DL đối với chị Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Quý T, chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Quý G.

3. Buộc bà Lương Thị H phải chịu 4.695.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Hợp tác xã Nông nghiệp Tây DL 2.109.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Ngày 09/10/2020, bà H kháng cáo không đồng ý trả nợ cho Hợp tác xã Tây Di Linh. Bà H cho rằng bà không biết gì về số nợ, do trước khi chết chồng bà không nhắc đến số nợ này cho bà và gia đình biết.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Th là người đại diện theo ủy quyền của bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bà H, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H. Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí do bà H là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Năm 2000, ông Nguyễn Quý L có ký hợp đồng mua phân bón với Hợp tác xã Nông nghiệp Tây DL theo hình thức chậm trả. Hai bên chốt nợ, số tiền nợ là 38.912.120 đồng và hẹn đến ngày 23/11/2016 trả nhưng đến tháng 12/2016 ông L chết không để lại di chúc nên Hợp tác xã Nông nghiệp Tây DL có đơn khởi kiện buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L gồm bà Lương Thị H, các con Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Quý G, Nguyễn Quý T có trách nhiệm trả. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản; yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*” là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Lương Thị H thì theo hồ sơ thể hiện: Ngày 09/5/2000, ông L ký hợp đồng đầu tư ứng trước với Hợp tác xã Nông nghiệp Tây DL và bà H ký với tư cách là người thừa kế (BL 55). Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L còn nợ lại 38.912.120 đồng tiền gốc và tiền nợ lãi theo thỏa thuận. Sau đó, nhiều lần ông L và Hợp tác xã nông nghiệp tiến hành lập biên bản đối chiếu công nợ thì ông L thừa nhận còn nợ lại 38.912.120 đồng tiền gốc và xin gia hạn thời hạn trả nợ (BL119, 120, 121). Ngày 05/11/2009, ông L ký văn bản xác định còn nợ HTXNN Tây DL gốc và lãi là 82.850.389 đồng (*trong đó nợ gốc là 38.912.120 đồng*) (BL 118), ngày 02/11/2011, ngày 24/02/2012, ngày 28/10/2014; ngày 01/12/2015 và ngày 23/11/2016 (BL112- BL 116) ông L ký các văn bản cam kết thừa nhận còn nợ lại số tiền nợ gốc là 38.912.120 đồng và lãi suất theo khế ước, biên bản đối chiếu công nợ thừa nhận còn nợ lại số tiền nợ gốc là 38.912.120 đồng và hẹn đến ngày 23/11/2016 trả. Ngày 12/12/2016, ông L chết không để lại di chúc, ông L chưa trả nợ nên Hợp tác xã Nông nghiệp Tây DL có đơn khởi kiện buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L gồm bà Lương Thị H, con Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Quý G, Nguyễn Quý T có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 38.912.120 đồng và lãi là 84.828.000 đồng (*Gồm lãi tính đến ngày 19/01/2010 là 35.021.000 đồng, lãi phát sinh theo mức 1%/tháng trên nợ gốc 38.912.120 đồng kể từ ngày 20/01/2010 đến ngày 20/9/2020 là 49.807.000 đồng*). Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với chị V, anh T, chị H1, anh G và tự nguyện giảm 30% số tiền lãi, chỉ yêu cầu bà H trả cho HTXNN Tây DL 38.912.120 đồng nợ gốc và 55.000.000 đồng nợ lãi (*đã giảm 30% số tiền lãi*). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H có nghĩa vụ thanh toán cho HTXNN Tây DL 38.912.120 đồng nợ gốc và 55.000.000 đồng nợ lãi là có căn cứ.

Việc ông Th là người đại diện theo ủy quyền của bà H cho rằng bà H không biết số nợ trên là không có cơ sở. Bởi lẽ, bà H đã cùng với ông L ký vào bản hợp đồng đầu tư ứng trước. Đồng thời, khi ông L còn sống, Hợp tác xã đã rất nhiều lần đối chiếu công nợ, đôn đốc trả nợ và ông L đã cam kết thời gian trả nợ.

Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lương Thị H.

[3] Về án phí: Bà H là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí và đã có đơn xin miễn án phí. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí cho bà H, hoàn trả cho bà H tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp. Do đó, cần sửa Bản án sơ thẩm về phần án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lương Thị H. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã Nông nghiệp Tây DL về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại. Buộc bà Lương Thị H phải trả cho Hợp tác xã Nông nghiệp Tây DL số tiền 93.912.120 đồng (*gồm 38.912.120 đồng nợ gốc và 55.000.000 đồng nợ lãi*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã Nông nghiệp Tây DL đối với chị Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Quý T, chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Quý G.

3. Về án phí: Hoàn trả cho Hợp tác xã Nông nghiệp Tây DL số tiền 2.109.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0001720 ngày 13/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

Hoàn trả cho bà Lương Thị H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0001620 ngày 27/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC (01);
- VKSND tỉnh LD (01);
- TAND H. Di Linh (02);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (03);
- Lưu AV – HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt